TRƯỜNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG
KHOA MẠNG MÁY TÍNH VÀ TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HỌC TẬP TOÀN KHÓA K51 – CT CLC

Ngành: **Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu** (Computer Networks and Data Communication)
Mã ngành: **7480102** Số lượng tín chỉ: 168 tín chỉ
Hình thức đào tạo: Chính quy Thời gian đào tạo: 4,5 năm Loại văn bằng: Kỹ sư

	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
Học kỳ 1										
1	FL010H	Nghe nói và ngữ âm thực hành (*)	4	4		60				
2	FL011H	Đọc hiểu (*)	3	3		45				
3	FL012H	Viết (*)	3	3		45				
4	FL013H	Ngữ pháp ứng dụng (*)	2	2		30				
5	FL014H	Kỹ năng thuyết trình (*)	3	3		45				
		Cộng	**15**	**15**	**0**					
Học kỳ 2										
1	CT111H	Kỹ năng học đại học	2	2		30				
2	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
3	CT005H	Nền tảng Công nghệ số	4	4		30	60			
4	CT054H	Lập trình căn bản	4	4		30	60			
		Cộng	**13**	**13**	**0**					
Học kỳ 3										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8			
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56			
5	CT052H	Đại số tuyến tính và hình học	3	3		45				
6	FL100H	Thi đánh giá năng lực tiếng Anh (*)	2	2		30				
		Cộng	**13**	**13**	**0**					
Học kỳ 4										
1	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
2	CT053H	Xác suất thống kê	3	3		45				
3	CT116H	Nền tảng Kiến trúc máy tính	3	3		45				
4	CT102H	Cấu trúc dữ liệu	4	4		45	30	CT054H		
5	CT055HE	Kỹ năng giao tiếp	1		2	10	10			
6	CT056HE	Kỹ năng thuyết trình	1			10	10			
7	CT057HE	Kỹ năng làm việc nhóm	1			10	10			
8	CT058HE	Kỹ năng giải quyết vấn đề	1			10	10			
9	CT059HE	Kỹ năng tư duy phản biện	1			10	10			
10	CT489E	Luật an ninh mạng và đạo đức trong lĩnh vực CNTT	2			30				
		Cộng	**14**	**12**	**2**					
Học kỳ 5										
1	TC100	Giáo dục thể chất 1	1		1	10	10			
2	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
3	CT101H	Toán cho khoa học máy tính	4	4		60				
4	CT104H	Nguyên lý hệ điều hành	3	3		30	30	CT005H		
5	CT108H	Lập trình hướng đối tượng	3	3		30	30	CT054H		

Cộng			**13**	**12**	**1**					
Học kỳ 6										
1	TC100	Giáo dục thể chất 2	1		1	10	10			
2	CT051H	Vi - Tích phân	4	4		60				
3	CT175H	Lý thuyết đồ thị	3	3		30	30	CT102H		
4	CT110H	Cơ sở dữ liệu	3	3		30	30	CT102H		
5	CT106H	Mạng máy tính	3	3		30	30	CT005H		
Cộng			**14**	**13**	**1**					
Học kỳ 7										
1	TC100	Giáo dục thể chất 3	1		1	10	10			
2	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
3	CT109H	Phân tích và thiết kế thuật toán	3	3		30	30	CT102H		
4	CT112H	Phân tích và thiết kế hệ thống	3	3		30	30	CT110H		
5	CT117H	Lập trình Web cơ bản	3	3		30	30	CT110H		
Cộng			**12**	**11**	**1**					
Học kỳ 8										
1	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		
2	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				
	KN001E	Kỹ năng mềm	2			20	20			
	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			
3	CT335H	Thiết kế và triển khai hệ thống mạng	3	3		30	30	CT106H		
4	CT312H	Lập trình cho các thiết bị di động	3		3	30	30			
	TN232H	Lập trình Python	3			30	30			
	CT294H	Máy học ứng dụng	3			30	30			
5	CT436HE	Niên luận cơ sở ngành MMT-TTDL – CLC	3	3			90	≥ 80 TC		
Cộng			**13**	**8**	**5**					
Học kỳ 9										
1	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				
2	CT301H	An ninh mạng	3	3		30	30	CT106H		
3	CT305H	Lập trình mạng	3	3		30	30	CT106H		
4	CT333H	Quản trị mạng	3	3		30	30	CT106H		
5	CT204H	Điện toán đám mây	3	3		30	30	CT106H		
Cộng			**14**	**14**						
Học kỳ 10										
1	CT435H	Kỹ thuật phát hiện tấn công mạng	3		15	30	30			
2	CT166H	Tường lửa	3			30	30	CT335H		
3	CT344H	Giải quyết sự cố mạng	3			30	30	CT335H		
4	CT232H	Đánh giá hiệu năng mạng	3			30	30	CT106H		
5	CT566HT	Phần mềm tự do mã nguồn mở	3			30	30			
6	CT230H	Phát triển ứng dụng hướng dịch vụ	3			30	30			
7	CT097H	Phát triển ứng dụng Web nâng cao	3			30	30	CT117H		
8	CT306H	Lập trình song song	3			30	30	CT106H		
9	CT482H	Xử lý dữ liệu lớn	3			30	30			
10	CT205H	Nguyên lý máy học	3			30	30			
Cộng			**15**	**0**	**15**					
Học kỳ 11										
1	CT115H	Quản trị hệ thống máy tính	3	3		30	30			
2	CT209H	Quản trị mạng trên MS Windows	3	3		30	30	CT106H		
3	CT201H	An ninh máy tính	3		3	30	30	CT106H		
	CT490H	An ninh Web	3			30	30	CT117H		
4	CT439HE	Niên luận chuyên ngành MMT-TTDL -CLC	3	3			90	≥ 100 TC		
Cộng			**12**	**9**	**3**					

Học kỳ 12										
1	CT555HE	Luận văn tốt nghiệp MMT-TTDL - CLC	15	15			450	≥120TC		
Cộng			**15**	**15**						
Học kỳ 13										
1	CT517HE	Thực tập doanh nghiệp MMT-TTDL-CLC	5	5			150	≥120TC		
Cộng			**5**	**5**						
TỔNG CỘNG: 168 TC (Bắt buộc: 140TC; Tự chọn: 28TC; AVTC: 17TC)										

Đơn vị quản lý: Khoa Mạng máy tính và Truyền thông, Trường CNTT-TT.

Cần Thơ, ngày 20 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CNTT-TT

Nguyễn Hữu Hòa

TRƯỞNG KHOA MMT-TT

Phan Thượng Cang